

Ngày 31/12/2025	22,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-8.3%	-10.2%

	2025	
ROE	40.1%	+/- YoY ▼ 18.8%

	Q4/25		
DT thuần	37.5	QoQ ▼ 33.2 ▼ 47.0%	YoY ▲ 4.90 ▲ 15.0%
	tỷ VNĐ		

	2025	
DT thuần	174	YoY ▼ 4.00 ▼ 2.2%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN gộp	14.3	QoQ ▼ 30.2 ▼ 67.8%	YoY ▲ 4.00 ▲ 39.1%
	tỷ VNĐ		

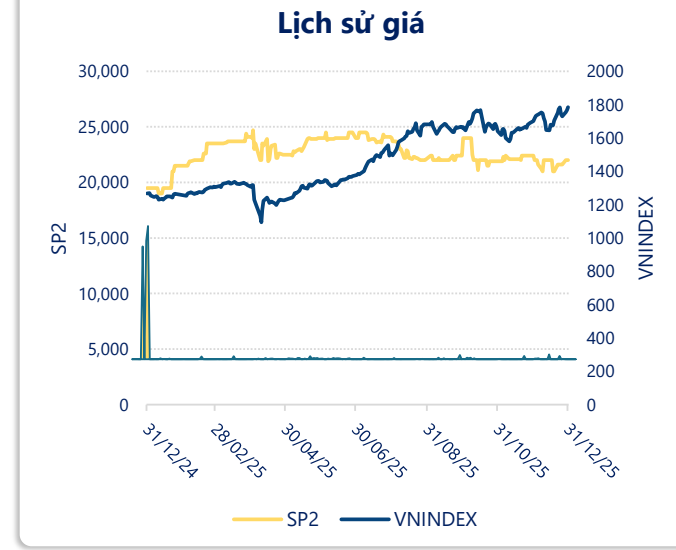
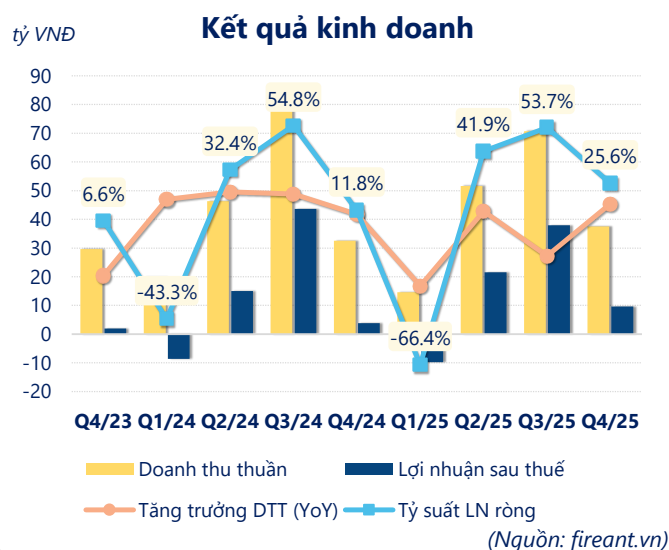
	2025	
LN gộp	82.0	YoY ▼ 3.40 ▼ 4.0%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN thuần	10.3	QoQ ▼ 29.8 ▼ 74.4%	YoY ▲ 6.16 ▲ 148%
	tỷ VNĐ		

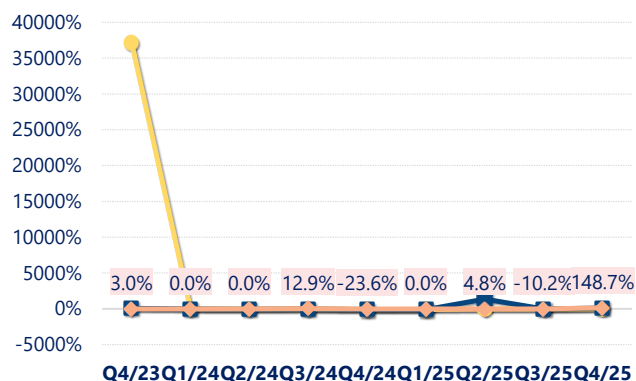
	2025	
LN thuần	63.0	YoY ▲ 6.00 ▲ 10.4%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN sau thuế	9.59	QoQ ▼ 28.4 ▼ 74.8%	YoY ▲ 5.74 ▲ 149%
	tỷ VNĐ		

	2025	
LN sau thuế	59.4	YoY ▲ 5.40 ▲ 10.1%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

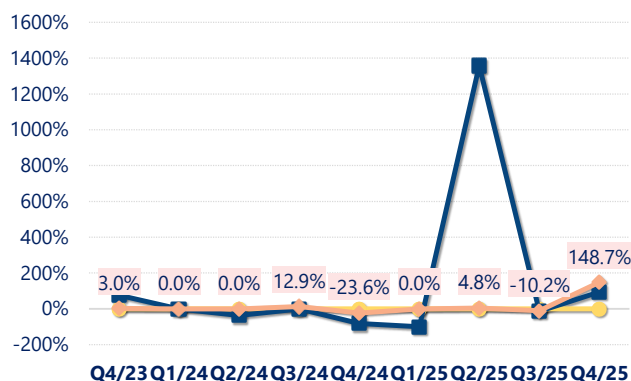


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tăng trưởng LN thuần (YoY) Tăng trưởng EBIT (YoY)
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

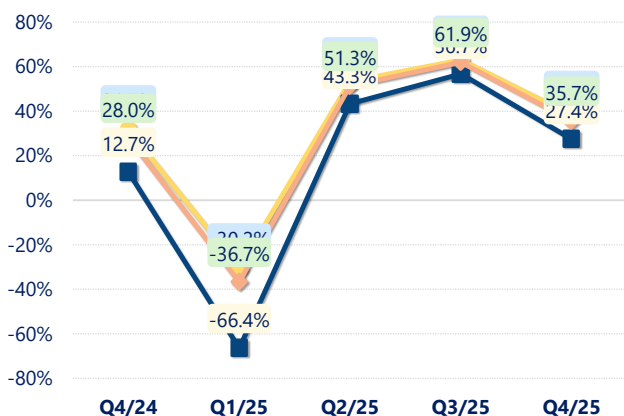


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) Tăng trưởng EBIT (YoY)
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

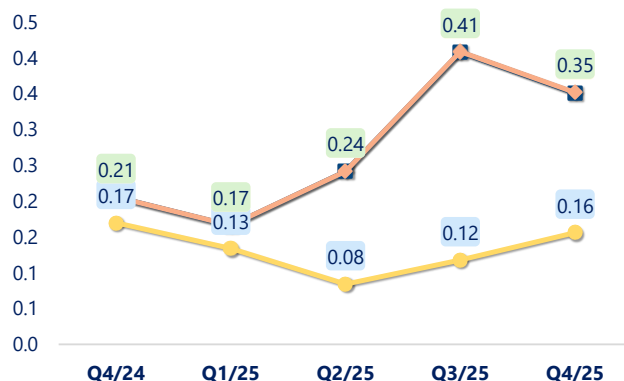


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tỷ suất LN gộp Tỷ suất LN thuần Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

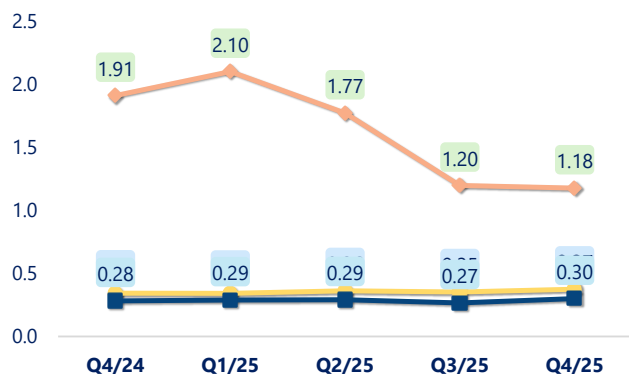


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

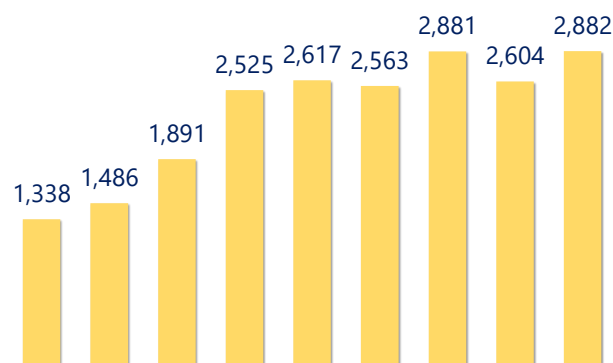


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	37.5	32.6	15.0%	174	178	-2.2%
Giá vốn hàng bán	23.2	22.2	4.3%	92.4	93.1	-0.7%
Lợi nhuận gộp	14.3	10.3	39.1%	82.0	85.4	-4.0%
Doanh thu HĐTC	0.57	0.24	139%	1.56	2.24	-30.7%
Chi phí TC	3.17	5.03	-36.9%	15.4	24.7	-37.7%
Chi phí lãi vay	3.17	5.03	-36.9%	15.4	24.7	-37.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.45	1.41	2.9%	5.15	5.87	-12.2%
LN thuần từ HĐKD	10.3	4.14	148%	63.0	57.0	10.4%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.04	-73.4%	-0.10	0.24	-143%
LN trước thuế	10.2	4.10	149%	62.9	57.3	9.8%
Lợi nhuận sau thuế	9.59	3.85	149%	59.4	54.0	10.1%
LNST của CĐ cty mẹ	9.59	3.85	149%	59.4	54.0	10.1%

(Nguồn: fireant.vn)

